

LIST HÀNG KHO BÌNH ĐỊNH - NHƠN HỘI										
LÔ 31										
Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)										
Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	Độ dày	Khổ	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú
						Net	Lõi	Gross		
1	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119020055401	0.4	1200	230	0	230	64	
2	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119020055403	0.4	1200	170	0	170	48	
3	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119070000902	0.25	1200	180	60	240	88	
4	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119070002902	0.3	1200	130	0	130	48	
5	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119070012902	0.45	1200	310	0	310	76	
6	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119080007803	0.4	1200	400	0	400	120	
7	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119080008102	0.4	1200	250	0	250	76	
8	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119080015201	0.35	1200	150	0	150	48	
9	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090013802	0.45	1200	250	0	250	64	
10	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090017400	0.5	1200	280	0	280	70	
11	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090019001	0.3	1200	130	0	130	54	
12	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090020303	0.3	1200	170	60	230	76	
13	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090022602	0.45	1200	350	0	350	76	
14	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090022900	0.45	1200	300	0	300	70	
15	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090024801	0.35	1200	310	0	310	104	
16	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090026103	0.5	1200	570	0	570	128	
17	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119090026201	0.5	1200	290	0	290	60	
18	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219050078703	0.45	1200	230	0	230	52	
19	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060012802	0.45	1200	230	0	230	60	
20	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060012803	0.45	1200	260	0	260	64	
21	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060014402	0.45	1200	460	0	460	116	
22	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060023101	0.35	1200	330	0	330	108	
23	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060023104	0.35	1200	230	0	230	72	
24	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060023502	0.35	1200	200	0	200	60	
25	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060026802	0.4	1200	170	0	170	52	
26	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060031802	0.4	1200	120	0	120	28	
27	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219060032102	0.4	1200	360	0	360	100	
28	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070014701	0.35	1200	250	0	250	80	
29	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070014703	0.35	1200	270	0	270	84	
30	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070016302	0.3	1200	140	0	140	48	
31	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070016603	0.3	1200	170	0	170	68	
32	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070017702	0.3	1200	430	0	430	164	
33	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070018101	0.4	1200	910	0	910	270	
34	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070018402	0.4	1200	190	0	190	44	
35	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070027702	0.45	1200	240	0	240	60	
36	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070031001	0.45	1200	530	0	530	132	
37	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070031403	0.35	1200	150	0	150	48	
38	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070039602	0.3	1200	110	0	110	40	
39	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070044601	0.5	1200	390	0	390	88	
40	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070051401	0.4	1200	280	0	280	80	
41	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070051403	0.4	1200	660	0	660	188	
42	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070054002	0.4	1200	250	0	250	64	
43	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070054301	0.4	1200	210	0	210	60	
44	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070055901	0.35	1200	340	0	340	112	
45	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070061202	0.4	1200	250	0	250	68	
46	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070064704	0.5	1200	640	0	640	140	
47	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070068801	0.3	1200	100	0	100	36	
48	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070068902	0.3	1200	290	0	290	112	
49	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070069201	0.3	1200	170	0	170	64	
50	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070069601	0.3	1200	150	0	150	60	
51	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070072501	0.5	1200	330	0	330	72	
52	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080020401	0.35	1200	360	0	360	120	
53	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080022602	0.45	1200	110	0	110	28	
54	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080022802	0.45	1200	100	0	100	22	
55	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080027002	0.45	1200	260	0	260	60	
56	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080056101	0.4	1200	360	0	360	100	
57	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080064002	0.3	1200	110	0	110	44	
58	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219080064103	0.3	1200	190	60	250	72	
59	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090009303	0.45	1200	170	0	170	46	
60	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090010900	0.45	1200	320	0	320	84	
61	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090011006	0.45	1200	130	0	130	36	
62	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090011007	0.45	1200	230	0	230	60	
63	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090011304	0.45	1200	210	0	210	56	
64	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090011603	0.4	1200	100	0	100	32	
65	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090012803	0.4	1200	150	0	150	44	
66	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090013602	0.45	1200	840	0	840	224	
67	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090018600	0.4	1200	590	0	590	180	
68	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090018802	0.35	1200	260	0	260	80	
69	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090018902	0.35	1200	250	0	250	84	
70	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090022802	0.35	1200	190	0	190	66	
71	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090023100	0.35	1200	1,500	0	1,500	520	
72	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090024500	0.5	1200	2,270	0	2,270	532	
73	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090025601	0.5	1200	720	0	720	164	
74	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090028301	0.45	1200	540	0	540	136	
75	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090029002	0.45	1200	250	0	250	60	
76	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100001501	0.35	1200	300		300	96	
77	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100001503	0.35	1200	150		150	52	
78	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100001600	0.4	1200	280		280	80	
79	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100002802	0.4	1200	620		620	184	
80	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100003603	0.25	1200	110		110	60	

Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	Độ dày	Khổ	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú
						Net	Lỗi	Gross		
81	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100003605	0.25	1200	100		100	52	
82	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100003700	0.25	1200	380	60	440	188	
83	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100005002	0.25	1200	170		170	56	
84	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100005302	0.3	1200	140		140	64	
85	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100005402	0.3	1200	210		210	84	
86	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100005502	0.3	1200	240		240	100	
87	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100008102	0.4	1200	280		280	80	
88	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100008402	0.4	1200	330		330	96	
89	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100008901	0.4	1200	350		350	96	
90	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100009102	0.4	1200	470		470	136	
91	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100009202	0.4	1200	210		210	60	
92	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100009501	0.4	1200	280		280	76	
93	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100009503	0.4	1200	180		180	50	
94	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100009902	0.4	1200	270		270	68	
95	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100013702	0.4	1200	390		390	112	
96	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100008200	0.4	1200	300		300	80	
97	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100010002	0.3	1200	210		210	88	
98	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100010501	0.3	1200	180		180	72	
99	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100014101	0.45	1200	510		510	132	
100	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100014200	0.5	1200	1,110		1,110	256	
101	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100016202	0.3	1200	350		350	144	
102	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100016501	0.3	1200	400		400	160	
103	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100019101	0.45	1200	320		320	80	
104	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100020102	0.45	1200	160		160	36	
105	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100020502	0.4	1200	180		180	32	
106	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100022301	0.45	1200	1,400		1,400	352	
107	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100022900	0.45	1200	300		300	76	
108	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100026702	0.4	1200	130		130	36	
109	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100026801	0.4	1200	100		100	32	
110	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100027002	0.4	1200	110		110	28	
111	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100033901	0.4	1200	310		310	92	
112	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100036300	0.25	1200	710	60	770	356	
113	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100037502	0.45	1200	100		100	24	
114	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100042201	0.45	1200	310		310	74	
115	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100043702	0.45	1200	310		310	80	
116	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100045103	0.4	1200	110		110	32	
117	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100045502	0.4	1200	120		120	40	
118	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100046101	0.4	1200	320		320	96	
119	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100046601	0.4	1200	250		250	72	
120	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100047002	0.4	1200	400		400	112	
121	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100047801	0.4	1200	350		350	104	
122	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100048901	0.35	1200	270		270	84	
123	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100049902	0.35	1200	250		250	88	
124	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100050201	0.35	1200	310		310	108	
125	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100051101	0.35	1200	340		340	120	
126	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100051201	0.35	1200	300		300	100	
127	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100051203	0.35	1200	130		130	48	
128	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100052103	0.4	1200	120		120	32	
129	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100052601	0.35	1200	130		130	40	
130	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100053701	0.3	1200	320	60	380	132	
131	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100060800	0.5	1200	1,120		1,120	252	
132	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100063700	0.5	1200	720		720	168	
133	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100082102	0.3	1200	210		210	84	
134	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100082302	0.3	1200	180		180	68	
135	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100082502	0.3	1200	190		190	72	
136	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100084002	0.35	1200	280		280	96	
137	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100086301	0.4	1200	190		190	56	
138	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100086902	0.4	1200	120		120	24	
139	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100087401	0.4	1200	170		170	52	
140	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100089001	0.45	1200	260		260	72	
141	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100090001	0.45	1200	330		330	84	
142	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100091900	0.25	1200	1,020	60	1,080	492	
143	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100092701	0.3	1200	240		240	96	
144	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100093001	0.35	1200	130		130	44	
145	A01000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100094801	0.4	1200	270		270	76	
146	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119070000101.	0.5	1200	1,050	0	1,050	240	
147	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	009501190900027101	0.5	1200	570	0	570	136	
148	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	009502190600023201	0.35	1200	300	0	300	100	
149	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	009502190600023203	0.35	1200	520	0	520	172	
150	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070041903	0.35	1200	1,110	0	1,110	372	
151	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219070070001	0.3	1200	1,070	0	1,070	424	
152	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090008101	0.4	1200	1,430	0	1,430	420	
153	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	009502190900111401	0.45	1200	1,080	0	1,080	280	
154	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219090023402	0.4	1200	870	0	870	264	
155	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950119100003502	0.25	1200	240		240	112	
156	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100007900	0.4	1200	1,880		1,880	552	
157	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100036002	0.3	1200	1,510	60	1,570	620	
158	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100047701	0.4	1200	1,510		1,510	452	
159	A06000007	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	00950219100054601	0.4	1200	2,390		2,390	716	
Tổng cộng						62,360	480	62,840	18,838	

Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	Độ dày	Khổ	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú
						Net	Lỗi	Gross		
LÔ 43										
Thép cán nguội loại 2 bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng. (Ghi chú: 90% hàng ≥ 2 Tấn, 65% hàng có độ dày <0.57)										
Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	Độ dày	Khổ	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú
						Net	Lỗi	Gross		
1	204000085	Thép cán nguội: 0.21mmx1200mm SPCC	00920119070032802	0.21	1200	2,000		2,000	972	
2	204000600	Thép cán nguội: 0.54mmx1200mm SPCC	00920119080021700	0.54	1200	1,270		1,270	250	
3	204000613	Thép cán nguội: 0.56mmx1200mm SPCC	00920119090014603	0.56	1200	2,000		2,000	381	
4	204000879	Thép cán nguội: 0.80mmx1200mm SPCC	00920119090005202	0.80	1200	2,630		2,630	347	
5	204001714	Thép cán nguội: 1.60mmx1212mm SPCC	00920119080061200	1.60	1212	4,120		4,120	271	
6	204002324	Thép cán nguội: 0.20mmx980mm SPCCB	HCRC0A17060166V06	0.20	980	3,890	50	3,940	2,600	
7	204002324	Thép cán nguội: 0.20mmx980mm SPCCB	HCRC0A17060166V07	0.20	980	3,880		3,880	2,600	
8	204002324	Thép cán nguội: 0.20mmx980mm SPCCB	HCRC0A17060166V08	0.20	980	3,890		3,890	2,600	
9	204002324	Thép cán nguội: 0.20mmx980mm SPCCB	HCRC0A17060166V09	0.20	980	3,970		3,970	2,640	
10	204007776	Thép cán nguội: 1.36mmx1104mm SPCC	00920119070070000	1.36	1104	1,870		1,870	159	
11	204007784	Thép cán nguội: 1.39mmx1212mm SPCC	00920119080004202	1.39	1212	2,020		2,020	135	
Tổng cộng						31,540	50	31,590	12,955	